

# 2017

## HƯỚNG DẪN SINH HOẠT CHO DU HỌC SINH NƯỚC NGOÀI NĂM HỌC



# ĐẠI HỌC DONG-A

## GIỚI THIỆU TRƯỜNG



**Bumjin**  
Campus chuyên về quốc tế

**Seunghak**  
Campus chuyên về hợp tác giữa trường và doanh nghiệp

**Gudeok**  
Campus chuyên về y khoa



### Chế độ học bổng đa dạng

Trường Đại học cung cấp học bổng chính phủ Hàn Quốc Chế độ học bổng đặc biệt cho du học sinh nước ngoài như Dong-A Global Scholarship, Brain Dong-A

### Trường có 3 campus riêng biệt



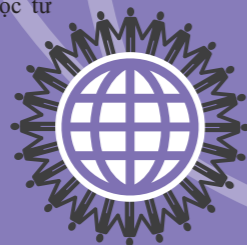
### Chế độ hỗ trợ đa dạng cho du học sinh.

Hình thành nhóm chuyên trách hỗ trợ du học sinh. Hỗ trợ học tập cho du học sinh, hỗ trợ đời sống sinh hoạt, chương trình hỗ trợ hướng nghiệp. Quản lý ký túc xá và thiết bị phòng học chuyên dụng cho du học sinh.

Mạng lưới cựu học sinh  
**190,000** người



19 000 cựu học sinh đang hoạt động tích cực trong mọi tầng lớp xã hội Trường đại học tư thực lớn nhất Busan



### Trường Đại học Quốc tế có văn hóa đa dạng

Du học sinh đến từ 35 quốc gia tạo nên Dong-A như một ngôi làng văn hóa toàn cầu thu nhỏ

## Mục lục

### 02 Giới thiệu về phòng hợp tác quốc tế

3. Phòng máy tính
4. Global zone
5. Phòng y tế
6. Bưu điện
7. Trung tâm tư vấn sinh viên
8. Máy cấp giấy chứng nhận
9. Máy rút tiền (ATM)
10. Bệnh viện và Trạm y tế quanh trường Đại học

### 03 Lịch học năm 2017

### 04 Những điều cần lưu ý trước khi nhập cảnh Hàn Quốc

- 01 Trình tự xin Visa và nhập cảnh
- 02 Cách xin Visa
- 03 Hướng dẫn ký túc xá
- 04 Hướng dẫn cách đăng ký xe đón và đến trường
- 05 Bảo hiểm du học sinh
- 06 Những vật dụng cần chuẩn bị trước khi xuất cảnh

### 09 Những việc cần phải làm khi đến Hàn Quốc

- 01 Vào ký túc xá
- 02 Đăng ký làm thẻ chứng minh người nước ngoài
- 03 Đăng ký thẻ sinh viên
- 04 Đăng ký làm số ngân hàng
- 05 Đăng ký sử dụng điện thoại

### 10 Sinh hoạt tại campus

- 01 Đăng ký môn học cho sinh viên mới nhập học đại học cũng như dự bị đại học
- 02 Lớp học tiếng Hàn
- 03 Chế độ hỗ trợ dành cho du học sinh
- 04 Hoạt động dành cho du học sinh
- 05 Chế độ học bổng cho du học sinh
- 06 Xe bus đưa đón và bus luân chuyển đến Dong-A
- 07 Hướng dẫn sử dụng trang thiết bị tiện nghi
  1. Nhà ăn và Cafeteria
  2. Thư viện

### 24 Thông tin xuất nhập cảnh

- 01 Gia hạn thời gian lưu trú
- 02 Khai báo thay đổi mục đăng ký (thay đổi nơi cư trú)
- 03 Thay đổi tư cách lưu trú (đổi Visa) : D-4→D-2
- 04 Thay đổi tư cách lưu trú (đổi Visa) : D-2→D-10
- 05 Cấp phép làm việc theo chế độ thời gian
- 06 Đăng ký thành viên qua mạng điện tử 'Hi-Korea'

### 27 Thông tin đời sống Busan

- 01 Thông tin cơ bản về Busan
- 02 Giao thông của Busan
- 03 Thông tin du lịch Busan
- 04 Thông tin giá cả Busan

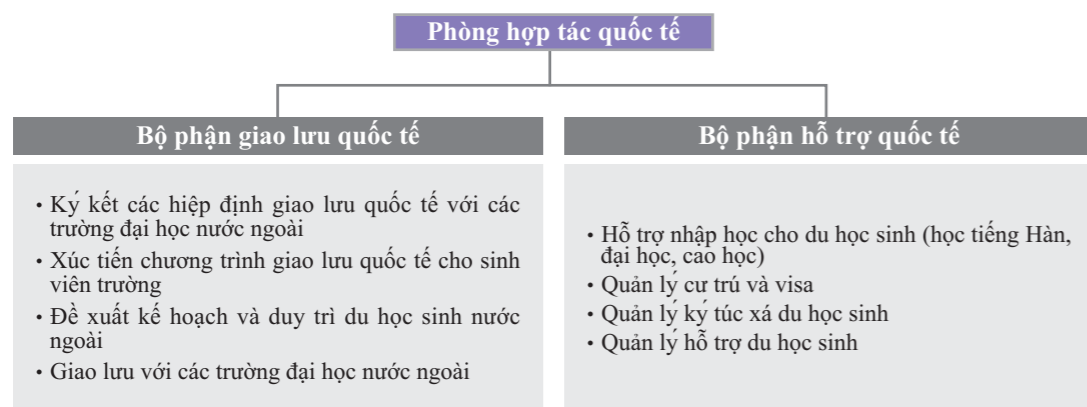
### 31 Phụ lục

- 1) Sổ điện thoại các văn phòng khoa
- 2) Bản đồ hướng dẫn campus

## Giới thiệu về phòng hợp tác quốc tế ❖

Phòng hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm hỗ trợ toàn diện cho toàn thể du học sinh từ khi nhập học đến khi tốt nghiệp. Phòng hợp tác quốc tế luôn đồng hành và nỗ lực để giúp đỡ sinh viên quốc tế khi gặp các vấn đề phát sinh về đời sống du học, trở ngại ngôn ngữ, sự thích ứng và học tập trong môi trường mới... Phòng hợp tác quốc tế chào đón tất cả các bạn vào bất cứ lúc nào. Chào mừng toàn thể các bạn đã nhập học vào Đại học Dong-A.

### 01 Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ đảm trách



### 02 Địa chỉ liên lạc

Phòng hợp tác quốc tế (Trang web <http://global.donga.ac.kr>)

↳ Bộ phận giao lưu quốc tế : 051 -200-6442~4, 6446~6448

↳ Bộ phận hỗ trợ quốc tế : 051 -200-1491~3

- Tư vấn nhập học : 051 -200-1493 / Lớp tiếng Hàn : koreanedu@donga.ac.kr

Đại học, cao học contact@donga.ac.kr / địa chỉ kakao : donga6447 (nhận được sự tư vấn sau khi kết bạn)

- Đường dây hỗ trợ du học sinh (visa, cư trú, học bổng, ký túc xá...) : 051 -200-1492 / global@donga.ac.kr,

Kakao Talk ID: globaldonga

- Tư vấn lớp học tiếng Hàn : 051 -200-1492/jikyung@dau.ac.kr

### 03 Vị trí

**Địa chỉ**  
B6-0206 Tầng 2, Seokdang Global House,  
Trường Đại học Dong-A, 30-1 Daecheong-ro,  
Jung-gu, Busan, Korea

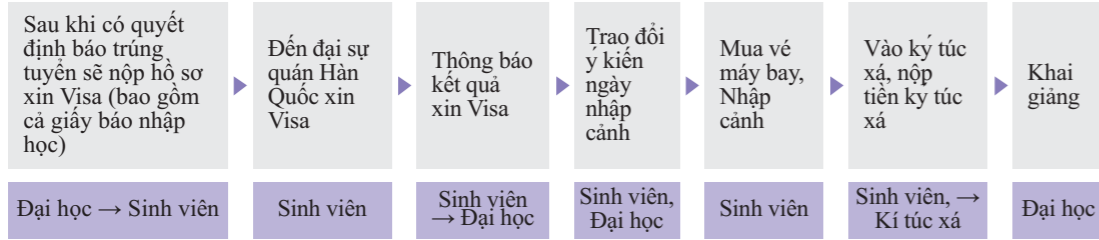


## Lịch học năm 2017 ❖

Tháng	Ngày	Lịch	
		Học tiếng	Đại học/cao học
Tháng 2, 2017	10.2 (Thứ 6) ~ 18.2 (Thứ 7)	-	Đăng ký môn học học kỳ 1
	13.2 (Thứ 2) ~ 15.2 (Thứ 4)	-	Dự bị đại học
Tháng 3, 2017	1.3 (Thứ tư)	-	Khai giảng học kỳ 1
	6.3 (Thứ hai)	Khai giảng học kỳ 1	
Tháng 4	Giữa tháng 4	Cuộc thi nói tiếng Hàn	-
	19.4 (Thứ tư)~ 25.4 (Thứ tư)	-	Thi giữa kỳ
Tháng 5	Đầu tháng 5		Trải nghiệm văn hóa học kỳ 1
	12.5 (Thứ 6)	Thi giữa kỳ 1	
Tháng 6	5.6 (Thứ hai)	Khai giảng học kỳ mùa hè	
	13.6 (Thứ hai)~ 19.6 (Thứ hai)	-	Thi cuối kỳ
	Giữa tháng 6	Đại hội thể thao	-
	20.6 (Thứ ba)~ 31.8 (Thứ 5)	-	Kỳ nghỉ mùa hè
Tháng 7	Giữa tháng 7	Trải nghiệm văn hóa truyền thống	-
Tháng 8	14.8 (Thứ hai)~ 18.8 (Thứ sáu)	-	Đăng kí môn học kỳ 2
	18.8 (Thứ sáu)	Thi giữa kỳ học kỳ mùa hè	
	Cuối tháng 8	-	Dự bị đại học
Tháng 9	1.9 (Thứ sáu)		Khai giảng học kỳ 2
	4.9 (Thứ hai)	Khai giảng học kỳ 2	-
	Cuối tháng 9	Lễ hội ở trường đại học	
Tháng 10	20.10(Thứ 6)~ 26.10(Thứ năm)		Thi giữa kỳ
	Cuối tháng 10	Ngày hội Quốc tế	-
Tháng 11	1.11 (Thứ 4)	Kỉ niệm ngày thành lập trường (ngày nghỉ)	
	Đầu tháng 11	Trải nghiệm văn hóa học kỳ 2	
	10.11 (Thứ sáu)	Thi giữa kỳ học kỳ 2	-
Tháng 12	4.12 (Thứ hai)	Khai giảng học kỳ mùa đông	-
	18.12 (Thứ hai)~ 23.12(Thứ bảy)		Thi cuối kỳ
	24.12 (Chủ nhật)~ 28.2.2018 (Thứ tư)	-	Kỳ nghỉ đông
	Cuối tháng 12	Global friends(Tiệc tất niên dành cho du học sinh)	
Tháng 1.2018	Giữa tháng 1	Cuộc thi Rung chuông vàng	-
Tháng 2	9.2 (Thứ sáu)	Thi giữa kỳ học kỳ mùa đông	-

## Những điều cần lưu ý trước khi nhập cảnh Hàn Quốc ❖

### 01 Trình tự xin Visa và nhập cảnh



### 02 Cách xin Visa

#### 1. Visa nhập học chương trình chính quy (D-2)

- Đối tượng cấp Visa: Sinh viên có ý định muốn học chương trình chính quy (Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ) tại các trường đại học hoặc cao học được thành lập theo quy định của luật giáo dục Hàn Quốc.
- Cách xin cấp Visa và hồ sơ cần nộp

<b>Cách xin Visa</b>	Chính bản thân phải tự đến nộp hồ sơ xin Visa ở đại sứ quán hoặc lãnh sự quán Hàn Quốc
<b>Hồ sơ cần nộp</b>	Hộ chiếu
	Giấy đăng kí xin cấp Visa
	Lệ phí xin cấp Visa
	Giấy báo nhập học trong đó có ghi nội dung về kiểm tra năng lực học tập và khả năng tài chính (Trường gửi)
	Giấy chứng nhận học lực cao nhất (Bản sao công chứng nhà nước nộp cho nhà trường trong hồ sơ xin học, sau đó được nhà trường ký & đóng dấu xác nhận và gửi lại cho thí sinh để làm Visa).
	Giấy chứng minh tài chính: Chứng minh tài chính trên 18,000 USD (Bản gốc nộp cho nhà trường trong hồ sơ xin học được gửi lại cho thí sinh làm visa). * Giấy chứng minh tài chính đứng tên của bố mẹ thì cần nộp giấy chứng minh quan hệ gia đình
Giấy phép kinh doanh của trường (Trường gửi)	
Bản kế hoạch học tiếng Hàn (Trường gửi)	

\* Vì mỗi quốc gia có thể yêu cầu hồ sơ xin Visa khác nhau nên trước khi đăng ký xin Visa cần đến đăng ký và hỏi hồ sơ cần nộp ở Đại sứ quán (hoặc lãnh sự quán) tại nước sở tại.

#### 2. Visa học tiếng Hàn (D-4)

- Đối tượng cấp Visa: Học sinh đăng ký học tiếng Hàn tại Viện ngôn ngữ trong trường.
- Cách xin cấp Visa và hồ sơ cần nộp

<b>Cách xin Visa</b>	Chính bản thân phải tự nộp hồ sơ đăng ký xin cấp Visa ở Đại sứ quán hoặc lãnh sự quán Hàn Quốc
<b>Hồ sơ cần nộp</b>	Hộ chiếu
	Giấy đăng kí xin cấp Visa
	Lệ phí xin cấp Visa
	Giấy báo nhập học trong đó có ghi nội dung về kiểm tra năng lực học tập và khả năng tài chính (Trường gửi)

	Hồ sơ chứng nhận nhập học hoặc đang học (Trường gửi)
	Giấy chứng nhận học lực cao nhất (Bản sao công chứng nhà nước nộp cho nhà trường trong hồ sơ xin học, sau đó được nhà trường ký & đóng dấu xác nhận và gửi lại cho thí sinh để làm Visa).
	Giấy chứng minh tài chính: Chứng minh tài chính trên 9,000 USD (Bản gốc nộp cho nhà trường trong hồ sơ xin học được gửi lại cho thí sinh làm visa) * Giấy chứng minh tài chính đứng tên của bố mẹ thì cần nộp giấy chứng minh quan hệ gia đình
	Giấy bảo lãnh nhân thân (Trong trường hợp nếu học sinh không có khả năng chi trả học phí học tập trong thời gian lưu trú hoặc những vấn đề liên quan đến pháp luật thì người bảo lãnh sẽ là người đứng ra chịu trách nhiệm).
	Giấy phép kinh doanh của trường (Trường gửi)
	Bản kế hoạch học tiếng Hàn (Trường gửi)

\* Vì mỗi quốc gia có thể yêu cầu hồ sơ xin Visa khác nhau nên trước khi đăng ký xin Visa cần đến đăng ký và hỏi hồ sơ cần nộp ở Đại sứ quán (hoặc lãnh sự quán) tại nước sở tại.

### 03 Hướng dẫn ký túc xá (Chỉ những sinh viên đăng ký ở ký túc xá trong mẫu giấy đăng ký nhập học mới có thể vào ở)

Phân loại	Trang thiết bị	Tiền phí KTX	Tiền ăn	Loại phòng
<b>Ký túc xá Hanlim</b>	1. Trang thiết bị cơ bản: giường, bàn học, ghế, ngăn kéo (gồm gương, kệ để giày), dây mạng. 2. Trang thiết bị khác: nhà ăn, phòng nghỉ, cafe internet, phòng giặt đồ, phòng đọc sách, phòng tập thể dục.	Khoảng 1,000,000 KRW (6tháng)	Không bao gồm (có thể mua phiếu ăn)	2 người / phòng (không có phòng 1 người)
<b>Ký túc xá Seokdang (Dành cho du học sinh)</b>	1. Trang thiết bị cơ bản: giường, bàn học, tủ quần áo, kệ để giày, máy rút tiền v.v... 2. Trang thiết bị khác: tiệm cafe, phòng nghỉ (phòng nấu ăn đơn giản), phòng giặt đồ, phòng cầu nguyện v.v...	Khoảng 1,400,000 KRW (6tháng)	Không bao gồm (có nhà bếp nấu ăn đơn giản)	
<b>Nhà Hannuri (nhà trọ bên ngoài trường)</b>	1. Thiết bị cơ bản: giường, bàn học, tủ quần áo, kệ để giày, tủ đựng đồ...v.v... 2. Các thiết bị khác: phòng nấu ăn đơn giản trong phòng, có phòng giặt. Ghi chú: nhà trọ bên ngoài trường có tổng 15 phòng, có thể vào ở tổng cộng 30 người.	Khoảng 1,200,000 KRW (6 tháng)	Không bao gồm (có phòng nấu ăn đơn giản)	

- Ký túc xá do phòng hợp tác quốc tế sắp xếp và sinh viên không được phép chọn lựa.
- Tùy theo hoàn cảnh của trường, sinh viên có thể được sắp xếp ở ký túc xá trong hoặc ngoài trường.
- Tùy thuộc ngày vào ký túc xá ở thì số tiền ký túc xá đề cập ở trên có thể thay đổi. Tiền ký túc xá chính xác sẽ được hướng dẫn rõ ràng khi vào ký túc xá ở.
- Trong ký túc xá không cung cấp chăn mền cho từng cá nhân. Sau khi nhập cảnh mỗi cá nhân phải tự mua hoặc có thể mang chăn mền sang. Duy chỉ có KTX Seokdang Global có thể mượn chăn mền nên trong trường hợp cần sử dụng thì khi vào ký túc xá chỉ cần đăng ký là được.

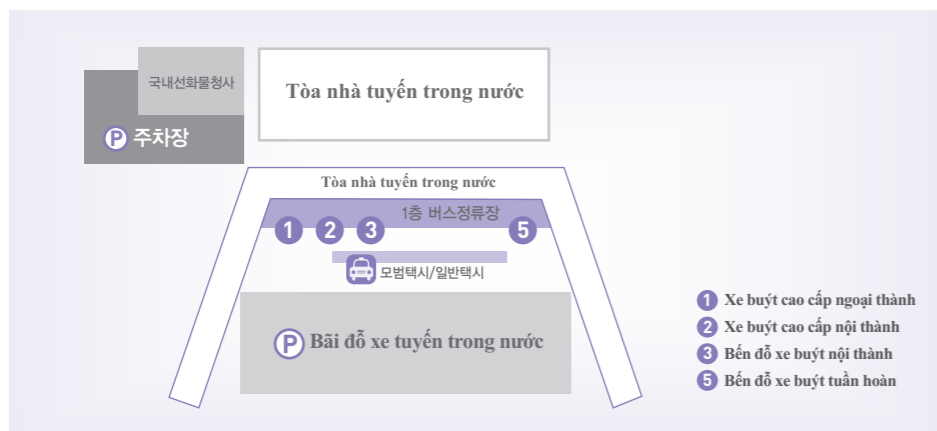
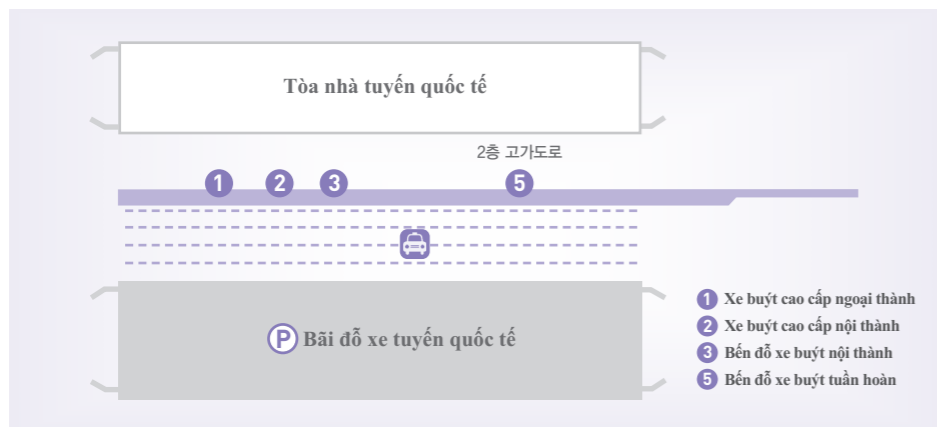


## 04 Hướng dẫn cách đăng ký xe đón và thông báo đến trường

1. Phương pháp đăng ký
  - Sau khi được cấp Visa sẽ trao đổi ngày nhập cảnh với trường Đại học Dong-A và sau đó gửi giấy đăng ký xe đón và vé máy bay qua Email (koreanedu@donga.ac.kr)
  - Tải giấy đăng ký: có thể tải về từ <http://global.donga.ac.kr> (Community → phòng tài liệu)
2. Thời gian xe đón: Chỉ có thể đi đón trong vòng 1 tuần trước ngày khai giảng.
  - Trong trường hợp bắt buộc đi học sinh phải nhập cảnh sau lễ khai giảng thì sau khi được cấp Visa, trước khi mua vé máy bay cần trao đổi ngày đến với trường qua Email (koreanedu@donga.ac.kr)
3. Địa điểm có xe đi đón: Sân bay Gimhae, Ga Busan, bến tàu khách quốc tế Busan
  - ※ Đối với những học sinh không đăng ký ở trong ký túc xá của trường sẽ không được hỗ trợ xe đón.

Trong trường hợp tự đi chuyển từ sân bay Gimhae về chỗ ở của mình.

### | Bản đồ hướng dẫn chỗ lên tàu xe ở sân bay Gimhae |



- Xe bus cao cấp** : Xe đi về hướng ga Busan/Seomyeon (phí: 6,000 KRW), hướng Haeundae Nam-cheon-dong (phí: 7,000 KRW)
- Tàu điện ngầm** : Từ ga sân bay tàu điện Busan-Gimhae chuyển sang tàu tuyến số 3 tại ga Taejeo hoặc tàu tuyến số 2 tại ga Sasang
- Taxi** : Đến Nampo-dong khoảng 15,000 won, đến Seomyeon khoảng 20,000 KRW

### Trường hợp tự tham gia lễ khai giảng lớp tiếng Hàn,

- Sử dụng tàu điện ngầm** : tàu tuyến số 1, xuống ga Toseong, ra cửa số 2 đi bộ khoảng 5 phút về hướng trường Đại học Dong-A.
- Taxi** (Sân bay Gimhae → Bumin campus Trường Đại học Dong-A)
  - Phí: khoảng 15,000KRW
  - Đi lên xe nói là “hãy cho tôi đi đến trường Đại học Dong-A, Bumin campus”.

## 05 Bảo hiểm du học sinh

- Tất cả các du học sinh đang học tại trường Đại học Dong-A bắt buộc phải đăng ký mua bảo hiểm.
- 1) Trường hợp sinh viên tự đăng ký mua bảo hiểm: nộp bản sao giấy đăng ký mua bảo hiểm cho phòng hợp tác quốc tế.
- 2) Trường hợp đăng ký bảo hiểm đoàn thể du học sinh (Trường Đại học Dong-A chỉ định): đăng ký tại phòng hợp tác quốc tế.
  - Phí bảo hiểm: khoảng 150,000KRW (1năm)
  - Nội dung bảo hiểm, chế độ bảo hiểm, các điểm cần lưu ý về chi trả viện phí, phương pháp đăng ký...Các bạn tham khảo vào trang Web dưới đây: [http://www.foreignerdb.com/student/student\\_apply.asp?sn=donga](http://www.foreignerdb.com/student/student_apply.asp?sn=donga)

## 06 Những vật dụng cần chuẩn bị trước khi xuất cảnh

Những thứ cần chuẩn bị	
Hộ chiếu	Giữ một bản sao
Giấy phép Visa	Nhận từ Đại sứ quán, giữ một bản sao
Ảnh	Chuẩn bị vài tấm hình dùng làm hộ chiếu (sử dụng trong trường hợp hộ chiếu bị thất lạc hoặc dùng để làm thẻ sinh viên)
Vé máy bay	Tên tiếng Anh (đồng nhất với tên trong hộ chiếu), xác nhận ngày xuất cảnh
Đổi tiền	Tiền Hàn Quốc ( có thể đổi tiền USD, nhân dân tệ, đồng Yen tại Hàn Quốc)
Thẻ tín dụng	Kiểm tra thẻ ngân hàng xem có thể sử dụng ở nước ngoài không.
Gọi điện thoại quốc tế	Đăng ký điện thoại theo hình thức trả sau để có thể sử dụng đơn giản mà không cần tiền mặt.
Thẻ sinh viên quốc tế	Có thể được giảm giá khi sử dụng xe bus ngoại thành hay nhà hàng v.v...
Bằng lái xe quốc tế	Cần thiết cho những người sẽ đi du lịch bằng xe thuê
Bảo hiểm du học sinh	Trong trường hợp đăng ký mua tại nước sở tại, chuẩn bị bản sao giấy chứng minh mua bảo hiểm

**! Những lưu ý quan trọng khác,**

- ① Những vật dụng cần dùng cho học tập, từ điển hay sách vở, dụng cụ học tập
- ② Những đồ dùng cần thiết khi sinh hoạt tại Hàn Quốc, đồ dùng cá nhân, áo, giày dép, băng vệ sinh (sinh viên nữ), đồ dùng rửa mặt, mỹ phẩm, kính đeo (bao gồm kính áp tròng)
- ③ Cần chuẩn bị những nguyên liệu để phòng trong trường hợp món ăn không hợp với khẩu vị của mình (đồ dùng có thể bảo quản lâu trong nhiệt độ thường)
- ④ Mang theo thuốc dự phòng để chăm sóc sức khỏe thật tốt và những thuốc dùng cho cá nhân
- ⑤ Mùa Đông ở Busan gió mạnh và thời tiết lạnh nên cần chuẩn bị áo ấm
- ⑥ Ảnh hộ chiếu (ảnh nền trắng), ảnh gia đình, số tiền còn lại
- ⑦ Đồ dùng điện tử cá nhân sử dụng, máy tính, điện thoại và cục sạc pin, ổ điện (điện lực: 220V)
- ⑧ Những đồ dùng vật dụng khác cá nhân cần

**Webside tham khảo liên quan về cuộc sống du học sinh tại Hàn Quốc**

**Study in Korea** [http://www.studyinkorea.go.kr/ko/sub/overseas\\_info/life/life\\_reort.do](http://www.studyinkorea.go.kr/ko/sub/overseas_info/life/life_reort.do)

**Quý giao lưu Quốc tế Busan** <http://www.bfia.or.kr/contents/b2.asp>

**Web học tiếng Hàn:** <http://www.kosnet.go.kr/edu/index.do>  
<http://efka.co.kr/>

**🌐 Những việc cần phải làm khi đến Hàn Quốc ❖****01 Vào ký túc xá (dành cho những sinh viên đăng ký ở ký túc xá)**

1. Sau khi xác nhận phòng đã được sắp xếp, đăng ký vào ở (nộp giấy cam kết, phiếu kiểm tra đồ vật trong phòng đã được chuẩn bị sẵn)
2. Nộp tiền ký túc xá: Sau khi xác nhận tiền ký túc xá lần cuối được tính theo chuẩn ngày vào ký túc xá thì trong vòng 1 ngày tính từ ngày vào ký túc xá phải đóng tiền.
3. Nộp giấy khám sức khỏe (phiếu kết quả được cấp từ cơ quan trong nước, phải nộp trong vòng 2 tuần tính từ ngày vào ký túc xá ở)

**02 Đăng ký làm thẻ chứng minh người nước ngoài**

1. Thời gian đăng ký: Trong vòng 14 ngày sau khi nhập học.
2. Phương pháp đăng ký: đăng ký trực tiếp tại phòng quản lý xuất nhập cảnh (đặt lịch hẹn trước trên [www.hikorea.go.kr](http://www.hikorea.go.kr)) và đăng ký với người phụ trách du học sinh
3. Giấy tờ chuẩn bị: Giấy đăng ký (theo mẫu chỉ định), hộ chiếu, giấy chứng nhận tham gia khóa học tiếng (hoặc giấy chứng nhận đang học), hồ sơ chứng minh nơi cư trú, giấy kiểm tra sức khỏe, hình (nền trắng) 1tám, lệ phí 30.000KRW

**03 Đăng ký làm thẻ sinh viên**

1. Đăng ký lần đầu: đăng ký với người phụ trách hỗ trợ du học sinh ở phòng hợp tác quốc tế (không tốn phí cấp thẻ).
  2. Đăng ký cấp lại:
    - Giấy tờ cần chuẩn bị: hình thẻ (cỡ 3 · 4) 1 tấm, lệ phí 5,000 KRW
    - Đăng ký: Học sinh học tiếng Hàn đăng ký tại phòng hợp tác quốc tế; sinh viên đại học và cao học đăng ký tại văn phòng khoa đang học
- ※ Thẻ sinh viên có thể đăng ký sử dụng làm thẻ giao thông và được sử dụng khi ra vào ký túc xá

**04 Đăng ký làm sổ ngân hàng**

- Mang theo bản sao hộ chiếu hoặc thẻ người nước ngoài đến ngân hàng gần nhất để làm sổ ngân hàng.
- ※ Thẻ rút tiền mặt ATM chỉ có thể đăng ký làm đối với những sinh viên có thẻ người nước ngoài.

**05 Đăng ký sử dụng điện thoại**

1. Cách đăng kí: sau khi làm sổ ngân hàng xong mang theo thẻ người nước ngoài đến tiệm điện thoại của bất kỳ nhà mạng nào (SK, KT, LG) và đăng ký làm.
2. Tiền cước: mỗi tháng khoảng 40,000KRW~50,000KRW (gói cước tùy vào từng cá nhân đăng ký sử dụng, tiền máy điện thoại trả riêng)
3. Thông tin nhà mạng
  - SK <http://www.tworld.co.kr/>
  - KT <http://www.olleh.com/>
  - LG <http://www.uplus.co.kr/>



## Sinh hoạt tại Campus ❖

### 01 Đăng kí môn học cho sinh viên mới nhập học đại học cũng như dự bị đại học

- Đăng ký vào học
  - Thời gian đăng kí: Giữa tháng 2 và giữa tháng 8 năm 2017
  - Cách đăng kí: đăng ký online môn học muốn đăng ký (hướng dẫn cụ thể ở dự bị đại học)
- Dự bị đại học (Dự kiến): 13.2.2017 (Thứ hai) ~ 15.2.2017 (Thứ tư)

Phân loại	Chủ đề	Hướng dẫn
Ngày 1	Lễ khai giảng và hướng dẫn lịch trình Giới thiệu phòng hợp tác quốc tế Đăng kí môn học và giới thiệu về đào tạo	Giới thiệu lịch trình của buổi lễ/ Những người tham dự tự giới thiệu bản thân/ Giới thiệu Phòng hợp tác quốc tế Hướng dẫn toàn bộ về chương trình đào tạo như lịch học/ Tín chỉ tốt nghiệp/ Thi cử/ Đánh giá thành tích Hướng dẫn sử dụng hệ thống thông tin sinh viên và đăng kí môn học online
Ngày 2	Hướng dẫn về đời sống du học sinh Hướng dẫn về khuôn viên trường đại học Lễ nhận bằng	Hướng dẫn Visa, lưu trú/ Bảo hiểm du học sinh/ chế độ trợ cấp cho du học sinh Hướng dẫn trang thiết bị trường học/ các phòng ban quan trọng Trò chơi đồ vui/ Tặng quà/ Trao giấy chứng nhận
Ngày 3	Trải nghiệm văn hóa	Trải nghiệm văn hóa truyền thống như nghệ thuật giấy cỏ Hàn Quốc, hình thức biểu diễn âm nhạc với 4 loại nhạc khí khác nhau Tham quan hang động rượu và trải nghiệm xe đạp đường sắt

- ※ **Lịch trình đại học dự bị của khoa kinh doanh (hệ đại học): hướng dẫn riêng từ 2.15.(thứ 4) ~ 2.18.(thứ 6)**
- ※ **Sinh viên cao học sẽ được hướng dẫn riêng tại khoa đăng ký học tương ứng.**

### 02 Lớp học tiếng Hàn

#### 1. Hướng dẫn khóa học

- Khóa học chính quy
  - Học kỳ : 1 năm có 4 học kỳ (mỗi học kỳ 10 tuần, 200 giờ)
  - Thời gian lớp học: 1 ngày 4 tiếng, 1 tuần học 5 ngày (từ thứ hai ~ thứ sáu)

#### <Lịch học năm 2017>

Học kỳ	Thời gian học	Thời gian đăng kí	Lễ khai giảng
Học kỳ 1	2017.03.06 (thứ 2) ~2017.05.12 (thứ 6)	2016.12.19 (thứ 2) ~2017.01.06 (thứ 6)	2017.03.06
Học kỳ hè	2017.06.05 (thứ 2) ~2017.08.18 (thứ 6)	2017.03.20 (thứ 2) ~2017.04.07 (thứ 6)	2017.06.05
Học kỳ 2	2017.09.04 (thứ 2) ~2017.11.10 (thứ 6)	2017.06.19 (thứ 2) ~2017.07.07 (thứ 6)	2017.09.04
Học kỳ đông	2017.12.04 (thứ 2) ~2018.02.09 (thứ 6)	2017.09.11 (thứ 2) ~2017.09.29 (thứ 6)	2017.12.04

#### 2) Các lớp học đặc biệt

- Lớp luyện thi TOPIK : Mỗi học kỳ đều có mở lớp luyện thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK)

- Lớp học tiếng Hàn bổ sung (ngoài lớp chính khóa): Lớp học dành cho sinh viên cần học thêm để nâng cao năng lực tiếng Hàn

### 2. Định hướng dành cho sinh viên mới nhập học (thực hiện cho từng khu vực ngôn ngữ riêng)

- Thời gian: Vào ngày khai giảng lớp học tiếng Hàn
- Địa điểm: Tòa nhà Seokdang Global (địa điểm cụ thể sẽ thông báo ở tài liệu và email trước khi nhập cảnh)
- Hướng dẫn: Thông báo những nội dung quan trọng cho các sinh viên mới như thẻ người nước ngoài, bảo hiểm, kiểm tra năng lực tiếng Hàn, mở tài khoản ngân hàng v.v...

### 3. Mua sách học tiếng Hàn

- Nơi bán: Văn phòng tầng 2 tòa nhà Seokdang Global
- Giá tiền: 50,000 won (chỉ bán theo bộ tương ứng với từng cấp riêng)
- Thời gian bán: Tuần khai giảng đầu tiên từ thứ hai~thứ sáu (09:00~17:00)
- Ghi chú: Có thể mua ở nhà sách trong Bumin Campus

### ※ Lịch thi năng lực tiếng Hàn năm 2017 (TOPIK) (Trang chủ: <http://www.topik.go.kr/>)

Phân loại	Thời gian đăng ký	Ngày thi	Cách đăng ký
Kỳ thi thứ 51	2017.01.02 (Thứ hai)~01.11 (Thứ tư) 18:00 (Trong 10 ngày)	3.19 (Chủ nhật)	Đăng ký Online (đăng ký cá nhân, đoàn thể)
Kỳ thi thứ 52	2017.02.06 (Thứ hai)~02.15 (Thứ tư) 18:00 (Trong 10 ngày)	4.16 (Chủ nhật)	
Kỳ thi thứ 53	2017.05.15 (Thứ hai)~05.24 (Thứ tư) 18:00 (Trong 10 ngày)	7.16 (Chủ nhật)	
Kỳ thi thứ 54	2017.08.14 (Thứ hai)~08.23 (Thứ tư) 18:00 (Trong 10 ngày)	10.22 (Chủ nhật)	
Kỳ thi thứ 55	2017.09.04 (Thứ hai)~09.13 (Thứ tư) 18:00 (Trong 10 ngày)	11.19 (Chủ nhật)	

### 03 Chế độ hỗ trợ dành cho du học sinh

Phân loại	Tên chế độ	Nội dung chi tiết
Hỗ trợ sinh hoạt	Những người hỗ trợ SV quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tên chương trình: các bạn quốc tế giúp đỡ lẫn nhau, sinh viên hỗ trợ (sinh viên nhận học bổng chính phủ), nhà tư vấn toàn cầu v.v...</li> <li>Nội dung: hỗ trợ du học sinh ổn định việc định cư sinh sống tại Hàn Quốc, giao lưu ngôn ngữ và văn hóa, tôn giáo v.v...</li> </ul>
	Giáo sư hướng dẫn	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đối tượng: du học sinh nước ngoài đang là sinh viên đại học, cao học</li> <li>Nội dung: mỗi khoa chỉ định giáo sư hướng dẫn, thực hiện tư vấn định kỳ tại mỗi khoa và buổi nói chuyện thân mật</li> </ul>
	Tư vấn đặc biệt cho du học sinh	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đối tượng: học sinh học tiếng, sinh viên mới học đại học và cao học, sinh viên đang học</li> <li>Nội dung: tư vấn liên quan đến cuộc sống du học như cử nhân, học lên, xin việc, hỗ trợ sinh hoạt v.v...</li> <li>Thời kỳ: Thời điểm nhập học hoặc ngày thường</li> </ul>
	Thực tập sinh trong trường dành cho du học sinh	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đối tượng: du học sinh nước ngoài đang học hệ đại học, cao học</li> <li>Nội dung: Hỗ trợ nghiệp vụ hành chính tại phòng giao lưu quốc tế, hỗ trợ dịch tài liệu, v.v...</li> <li>Ghi chú: Có tiền lương mỗi tháng cho thực tập sinh</li> </ul>

Hỗ trợ hội du học sinh	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đối tượng: Hội du học sinh từng quốc gia</li> <li>Nội dung: Hỗ trợ thực hiện các cuộc gặp gỡ giao lưu của hội, hoặc các hoạt động đưa tài với các trường khác v.v...</li> <li>Ghi chú: Việc tổ chức các sự kiện của hội sinh viên cần đăng ký với người phụ trách hỗ trợ du học sinh.</li> </ul>	
Hỗ trợ gia sư quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đối tượng: du học sinh nước ngoài học đại học, chuyển tiếp</li> <li>Nội dung: 1 sinh viên Hàn Quốc hỗ trợ 1 sinh viên nước ngoài (theo chuyên ngành học)</li> <li>Ghi chú: Các hỗ trợ viên được chọn phù hợp với chuyên ngành của sinh viên quốc tế.</li> </ul>	
Hỗ trợ học tập	Hỗ trợ lệ phí đăng ký thi Topik	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đối tượng : sinh viên đại học (ngoại trừ học sinh học tiếng, sinh viên cao học)</li> <li>Hỗ trợ lệ phí thi Topik : hỗ trợ 30.000 Won cho người đăng ký dự thi (cá nhân bỏ thêm 10,000won)</li> <li>Hỗ trợ học bổng Topik: chỉ trao cho sinh viên lần đầu đạt được cấp cao thích hợp</li> </ul>
	Hỗ trợ thi TOPIK/lớp tiếng Hàn bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tùy theo mức chuẩn tiếng Hàn và tiến độ của từng học sinh thì trường sẽ mở lớp học bổ sung hàng ngày để hỗ trợ học tập.</li> </ul>
Hỗ trợ xin việc	Câu lạc bộ Global Leaders	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đối tượng : Du học sinh nước ngoài học năm 3, 4.</li> <li>Mục đích: Nâng cao khả năng xin việc làm và định hướng con đường tương lai cho du học sinh nước ngoài</li> <li>Tư cách tham gia: Đạt trên cấp 4 kỳ thi năng lực tiếng Hàn (TOPIK), điểm học trung bình trên 3.0</li> <li>Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ xin việc, thực hiện học nhóm, lớp giảng đặc biệt để xin việc và tham gia cắm trại việc làm</li> </ul>
	Danh sách nhân tài du học sinh	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mục đích: Tạo danh sách (hồ sơ) những nhân tài sinh viên quốc tế với những thông tin cơ bản của du học sinh (trường hỗ trợ việc trang điểm và chụp ảnh cho hồ sơ)</li> <li>Sử dụng: được sử dụng cho cho sinh viên xin việc bán hoặc toàn thời gian, thông qua việc gửi đến hội cựu sinh viên hoặc các doanh nghiệp.</li> </ul>
	Bài giảng đặc biệt về xin việc làm cho du học sinh	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mục đích: giáo dục hướng nghiệp và nâng cao năng lực xin việc cho du học sinh nước ngoài</li> <li>Đối tượng: du học sinh nước ngoài hệ cao học, sinh viên đại học năm 3~4</li> </ul>

#### 04 Hoạt động dành cho du học sinh

Tên sự kiện	Nội dung	Thời gian
Sinh viên mới dự bị đại học	Hướng dẫn về trường và hướng dẫn học tập, sinh hoạt	Vào giữa tháng 2 và giữa tháng 8
Trải nghiệm văn hóa du học sinh	Tham quan các địa điểm di tích văn hóa và địa điểm du lịch nổi tiếng	Mỗi học kỳ 1 lần (tháng 5, tháng 11)
Global Friends	Lễ hội Đêm Tất niên của du học sinh	Cuối tháng 12
Cuộc thi nói tiếng Hàn	Cuộc thi nói tiếng Hàn cho du học sinh	Trong tháng 5~6
Cuộc thi viết tiếng Hàn	Cuộc thi viết tiếng Hàn hay	Trong tháng 10~11
Ngày hội Quốc tế	Giới thiệu văn hóa của mỗi quốc gia	Tháng 10



#### 05 Chế độ học bổng cho du học sinh

##### 1. Sinh viên đại học

- Đối tượng: Sinh viên nước ngoài mới nhập học, học chuyển tiếp
- Các loại học bổng

Phân loại	Các loại học bổng	Đối tượng	Số tiền thưởng
Sinh viên mới	Học bổng dành cho du học sinh ưu tú A·B·C	Sinh viên đạt năng lực tiếng Hàn (TOPIK) từ cấp 5 trở lên	A : Giảm toàn bộ học phí cho học kỳ nhập học (ngoại trừ phí nhập học)
		Sinh viên đạt năng lực tiếng Hàn (TOPIK) từ cấp 3 hoặc đạt được thành tích cao trong kỳ thi năng lực tiếng Anh	B : Giảm 50% học phí cho học kỳ nhập học (ngoại trừ phí nhập học)
		Sinh viên không đủ những điều kiện tư cách để nhận học bổng "giảm hoàn toàn học phí" hoặc 'giảm 50% học phí'	C : Giảm 30% học phí cho học kỳ nhập học (ngoại trừ phí nhập học)
Sinh viên đang học	Học bổng dành cho du học sinh có thành tích xuất sắc A·B·C·D	Xếp hạng thành tích học kỳ trước dưới 10% (trong top 10% đứng đầu)	A : Giảm toàn bộ học phí
		Xếp hạng thành tích học kỳ trước dưới 40% (trong top 40% đứng đầu)	B : Giảm học phí 70%
		Xếp hạng thành tích học kỳ trước dưới 60% (trong top 60% đứng đầu)	C : Giảm học phí 40%
		Xếp hạng thành tích học kỳ trước dưới 80% (trong top 80% đứng đầu)	D : Giảm học phí 20%

##### 2. Cao học

- Trao học bổng cho du học sinh có thành tích mỗi học kỳ bình quân từ 85 điểm trở lên.
- Không có học bổng toàn phần học phí dành cho du học sinh

Các loại học bổng	Đối tượng	Số tiền thưởng
Học bổng dành cho du học sinh đạt loại B	Đạt năng lực tiếng Hàn (TOPIK) cấp 4 trở lên hoặc đạt TOEFL PBT500, CBT 173, IBT 61, TEPS 500, IELTS 5.0 trở lên	B : Giảm học phí 70%
Học bổng dành cho du học sinh đạt loại C	Đạt năng lực tiếng Hàn (TOPIK) cấp 3 trở lên hoặc đạt TOEFL PBT 400, CBT 97, IBT 32, TEPS 400, IELTS 3.5 trở lên	C : Giảm học phí 50%
Học bổng dành cho du học sinh đạt loại D	Sinh viên xuất thân từ trường đại học nước ngoài đang ký kết với trường	D : Giảm học phí 25%

## 06 Xe bus đưa đón và bus luân chuyển đến Dong-A

### 1. Xe bus di chuyển giữa các Campus

- Các xe bus này di chuyển từ campus này sang campus khác (miễn phí)
- Thứ bảy, chủ nhật, ngày nghỉ do pháp luật quy định và trong kỳ nghỉ không vận hành

Thời gian xuất phát ban ngày (Điểm dừng : cổng chính tại các Campus)		
Cơ sở Seunghak	Cơ sở Gudeok	Cơ sở Bumin
07:50	08:20	08:30
07:50	-	10:00
10:20	-	11:00
11:20	-	12:00
12:20	-	13:00
13:20	-	14:00
14:20	-	15:00
15:20	-	16:00
16:20	-	17:00
17:20	-	17:50
17:20	17:50	18:00

Thời gian xuất phát buổi tối (Điểm dừng: cổng chính tại các Campus)		
Cơ sở Seunghak	Cơ sở Gudeok	Cơ sở Bumin
18:30	-	19:00
19:30	-	20:10
21:00	-	22:00

### 2. Xe bus di chuyển trong khu vực campus

- Các xe bus này di chuyển đi lại xung quanh Campus (Ga tàu điện ngầm → Campus) (**vận hành thu phí**)
- Phí giao thông: 1,010 KRW (chuyến tuyến xe bus hoặc tàu điện ngầm, áp dụng giảm giá)

Phân loại	Lộ trình vận hành	Thời gian vận hành	Ghi chú
Seunghak Campus ↔ Ga tàu Hadan	Tòa nhà số 1 trường đại học khoa học công nghệ ↔ Ga tàu Hadan (Cửa ra số 6)	07:00~14:00	Ngày thường: khoảng cách từ 5~10 phút Thứ bảy, Chủ nhật và kỳ nghỉ: khoảng cách 10~15 phút
	Ký túc xá Hanlim ↔ Ga tàu Hadan (Cửa ra số 6)	14:00~23:00	
Ký túc xá Hanlim ↔ Sân tập bóng chày (trước trường)	Ký túc xá Hanlim ↔ Sân tập bóng chày (trước trường)	07:00~17:00	Ngày thường; khoảng cách 10~20 phút; Thứ bảy, chủ nhật và ngày nghỉ do pháp luật quy định không vận hành * Không vận hành trong kỳ nghỉ

<Xe bus luân chuyển đến Dong-A>



**DONG-A Shuttle Bus**



**07 Hướng dẫn sử dụng trang thiết bị tiện nghi**

**1. Nhà ăn và Cafeteria**

1) Nhà ăn

- Phương pháp sử dụng: sau khi mua phiếu ăn tại máy bán phiếu ăn được lắp đặt ở trước cửa ra vào nhà ăn xong, cầm phiếu ăn mang đến chỗ phát cơm.

Campus	Tên thiết bị	Menu và giá	Vị trí	Thời gian điều hành
Bumin	Hội quán sinh viên	Kimbap 1,500 KRW Mỳ ăn liền 1,500KRW Bữa chính 2,500KRW~3,000KRW	Tầng hầm 1 - Khu giảng dạy tổng hợp	08:30~18:30
	Tòa nhà quốc tế	Bibimpap, Cơm thịt heo xào v.v... 3,000KRW~4,000KRW	Tầng hầm 1 - Tòa nhà quốc tế	08:00~19:00
	Hội quán giáo sư	Bữa chính 4,500 KRW Món đặc biệt 5,000KRW	Tầng hầm 1 - Tòa nhà quốc tế	11:40~18:30
	So Pasta	Pasta 4,900 KRW~ Pizza 5,900KRW~ Pilaf (comchiên) 6,600KRW~		11:00~20:00
	MeoSeum	Teokbokki 2,000 KRW Chả cá 1,500KRW Cơm nắm 2,500KRW~4,500KRW Bánh mỳ nướng 2,500KRW Nước uống 1,000KRW~		11:00~20:00
Seunghak	Nhà ăn sinh viên	Kimbap 2,000 KRW Mỳ ăn liền 2,000KRW Bữa chính 2,500KRW Món đặc biệt 3,000KRW	Hội quán sinh viên	08:30~18:30
	Nhà ăn thư viện	Kimbap 2,000 KRW Mỳ tôm 2,000KRW Bữa chính 3,000KRW	Tầng hầm 1 - Thư viện	08:30~18:30
	Hội quán giáo sư	Bữa chính 4,500 KRW Món đặc biệt ,000KRW	Tòa nhà giáo sư	11:40~18:30
	Lounge D	Pasta 5,000 KRW~ Pizza 5,000KRW~ Thịt heo chiên bột 6,000KRW	Tòa nhà 1 trường đại học khoa học công nghệ	08:30~10:30 11:00~20:00



2) Căng tin

Campus	Tên trang thiết bị	Vị trí	Thời gian hoạt động (trong học kỳ)
Seunghak	Căng tin hội quán sinh viên	Hội quán sinh viên - Seunghak campus	08:30~18:30
	Căng tin thư viện	Thư viện - Seunghak campus	
	Căng tin trường ĐHKHCN	Trường ĐHKHCN - Seunghak campus	
Bumin	Căng tin khu giảng đường tổng hợp	Khu giảng đường tổng hợp - Bumin campus	08:30~18:30
	Căng tin tòa nhà quốc tế	Tòa nhà quốc tế - Bumin campus	



3) Cafeteria

Campus	Tên trang thiết bị	Vị trí	Thời gian hoạt động (trong học kỳ)
Seunghak	Cafe hội quán sinh viên	Hội quán sinh viên Seunghak campus	08:30~18:30
	Cafe thư viện	Thư viện Seunghak campus	
	Cafe trường nhân văn	Tòa nhà chính Seunghak campus	
Bumin	Cafe khu giảng dạy tổng hợp	Khu giảng đường tổng hợp Bumin campus	09:00~15:00
	Cafe tòa nhà quốc tế	Tòa nhà quốc tế Bumin campus	
	Cafe viện bảo tàng	Trong viện bảo tàng Bumin campus	





**2. Thư viện (phương pháp sử dụng thư viện <https://prezi.com/o9buodnzcwwo/presentation/>)**

1) Thời gian sử dụng

- Thư viện Bumin (Bumin campus)

Phân loại	Thứ hai ~ thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật và ngày nghỉ lễ
Phòng tài liệu	09:00~22:00	09:00~13:00	-
Phòng học nhóm	09:00~21:00	-	-
Phòng đọc sách	05:00~24:00	05:00~24:00	05:00~24:00

- Thư viện Seunghak (Seunghak campus)

Phân loại	Thứ hai ~ thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật và ngày nghỉ lễ
Phòng tài liệu	09:00~22:00	09:00~13:00	-
Phòng tài liệu thông tin điện tử	09:00~17:00	-	-
Phòng đọc sách	05:00~24:00	05:00~24:00	05:00~24:00
Phòng học nhóm	09:00-21:00	-	-

2) Hướng dẫn sử dụng hệ thống cấp chỗ ngồi

- Sau khi đặt thẻ sinh viên vào máy bố trí chỗ ngồi thì nó sẽ hiện ra màn hình để lựa chọn phòng đọc sách bạn muốn sử dụng và chỉ cần nhấn vào số ghế ngồi mình muốn thì máy sẽ tự động in ra phiếu số ghế đó.
- Chỗ ngồi đã được sắp xếp có thể sử dụng trong vòng 5 tiếng và có khả năng gia hạn thêm 2 lần nữa. (Tối đa được sử dụng trong vòng 15 tiếng) Trong trường hợp sẽ gia hạn thêm thời gian chỗ ngồi thì 1 tiếng trước đó phải cầm thẻ sinh viên đến máy bố trí chỗ ngồi để gia hạn thêm và từ thời điểm gia hạn đó có thể sử dụng thêm 5 tiếng nữa.
- Trong trường hợp sau khi được bố trí chỗ ngồi xong và bạn muốn đi về trong thời gian sử dụng thì các bạn hãy đến máy bố trí chỗ ngồi để đăng ký trả lại chỗ của mình rồi ra về, để các bạn sinh viên khác đăng muốn đăng ký chỗ để học.

Phân loại	Phòng riêng	Số chỗ ngồi (ghế)	Thời gian sử dụng	Thời gian thi
Thư viện Seunghak	Tầng 4 phòng học nhóm	108	09:00-21:00	04:00-Ngày hôm sau 02:00
	Tầng 5 phòng đọc sách	1,102	05:00-24:00	
Thư viện Bumin	Phòng tài liệu, phòng học nhóm	518	09:00-22:00	09:00-22:00
	phòng đọc sách (tầng 4-5)	690	05:00-24:00	04:00-Ngày hôm sau 02:00

\* Đối với học sinh học tiếng Hàn có thể sử dụng thư viện và phòng đọc sách nhưng không được mượn sách



**3. Phòng máy tính**

Trong thời gian không có tiết học thì sinh viên có thể sử dụng máy tính hay internet tự do để viết báo cáo và tìm tài liệu.

- 1) Phương pháp sử dụng: Sau khi trình thẻ sinh viên ra sẽ được sử dụng máy tính và máy in
- 2) Hiện trạng trang thiết bị

	Phân loại	Vị trí	Số điện thoại	Số chỗ ngồi	Thời gian mở cửa trong học kỳ	Thời gian mở cửa trong kỳ nghỉ
Seunghak	Đại học nhân văn A	A601	200-6821	52	Từ thứ hai ~ thứ sáu 09:00 hai ~	Kh9:00 ở cửa
	Đại học nhân văn B	A306	200-6822	47	Từ thứ hai ~ thứ sáu 09:00 hai ~	09:000 hai
	Đại học khoa học tự nhiên	E5206	200-6823	41	Từ thứ hai ~ thứ sáu 09:00 hai ~	Kh:00 ở cửa
	Đại học tài nguyên sinh học	M6334	200-6825	41	Từ thứ hai ~ thứ sáu 09:00 hai ~	Kh9:00 ở cửa
	Đại học khoa học kỹ thuật A	P4304	200-6826	47	Từ thứ hai ~ thứ sáu 09:00 hai ~	Kh9:00 ở cửa
	Đại học khoa học kỹ thuật B	P2201	200-6827	62	Từ thứ hai ~ thứ sáu 09:00 hai ~	Từ thứ hai ~ thứ sáu 09:00 hai ~
	Đại học thể thao	G8309	200-6829	99	Từ thứ hai ~ thứ sáu 09:00 hai ~	Từ thứ hai ~ thứ sáu 09:00 hai ~
	Viện điện toán thông tin	B7105	200-6830	97	Từ thứ hai ~ thứ sáu 09:00 hai ~ Thứ bảy 10:00 ~ 16:00	Từ thứ hai ~ thứ sáu 09:00 hai ~ Thứ bảy 10:00 ~ 16:00
Bumin	Hội quán sinh viên	Q309	200-6831	45	Từ thứ hai ~ thứ sáu 09:00 hai ~	Kh9:00 ở cửa
	Đại học khoa học xã hội	BA0505	200-8447	47	Từ thứ hai ~ thứ sáu 09:00 hai ~	Từ thứ hai ~ thứ sáu 09:00 hai ~
	Đại học Luật	LS204	200-8556	82	Từ thứ hai ~ thứ sáu 09:00 hai ~ Thứ bảy 10:00 ~ 16:00	Từ thứ hai ~ thứ sáu 09:00 hai ~ Thứ bảy 10:00 ~ 16:00
	Đại học kinh tế	BC0104	200-8448	54	Từ thứ hai ~ thứ sáu 09:00 hai ~	Từ thứ hai ~ thứ sáu 09:00 hai ~
	Cafe internet	BC0101	200-8445	50	Từ thứ hai ~ thứ sáu 09:00 hai ~	Kh9:00 ở cửa



# Global Zone



#### 4. Global Zone (<http://globalzone.donga.ac.kr/>)

Đây là trang gặp gỡ, giao lưu văn hóa giữa sinh viên Hàn Quốc với du học sinh trong trường và là không gian học tiếng nước ngoài cùng với giáo viên sử dụng tiếng mẹ đẻ.

Campus	Vị trí	Thời gian hoạt động	Số điện thoại
Bumin	Tầng 1 tòa nhà quốc tế	09:00~17:00	051-200-8783
Seunghak	Phòng 401 Đại học nhân văn		051-200-6059

#### Trang thiết bị sử dụng

- A/V Zone: là không gian để xem các chương trình truyền hình vệ tinh như phim, thời sự, phim truyền hình, giáo dục v.v...
- Reading Zone: là không gian có thể tìm kiếm được các thông tin về trường đại học nước ngoài, du học, nghiên cứu và có thể đọc báo, tạp chí, văn bản nước ngoài.
- Internet Zone: là không gian sử dụng Internet
- MeetingRoom: là không gian học nhóm và có thể mở hội thảo Small Group
- Cafe: là không gian có thể uống cafe, học tiếng nước ngoài và giao lưu với nhau.

#### 5. Phòng y tế (<http://health.donga.ac.kr/>)

Phụ trách những trường hợp cần xử lý khẩn cấp, vết thương bên ngoài, điều trị vết bỏng, tiêm chủng, tư vấn sức khỏe, giáo dục bảo vệ sức khỏe

Campus	Vị trí	Thời gian hoạt động	Số điện thoại
Bumin	Tầng 1 Đại học Luật	9:00~17:00 Ngày lễ và cuối tuần (Thứ bảy, Chủ nhật) không làm việc	051-200-8465
Seunghak	Tầng hầm 1 hội quán sinh viên		051-200-6331~2

#### 6. Bưu điện

Campus	Vị trí	Thời gian hoạt động	Số điện thoại
Bumin	Từ cổng chính đi bộ khoảng 5 phút về hướng bên phải (bên cạnh cửa ra số 2 ga Toseongdong)	09:00~17:00 Ngày lễ và cuối tuần (Thứ bảy, Chủ nhật) không làm việc	051-244-0014
Seunghak	Tầng 1, Tòa nhà 1, Đại học khoa học kỹ thuật		051-202-0148

#### 7. Trung tâm tư vấn sinh viên (<http://guide.donga.ac.kr/>)

Tư vấn cá nhân (định hướng tương lai, quan hệ đối nhân xử thế, vấn đề tình cảm v.v...), tư vấn tập thể (tư vấn nhóm khoảng 10~15 người)

Tư vấn online, tư vấn bạo lực tình dục, kiểm tra tâm lý

Campus	Vị trí	Thời gian hoạt động	Số điện thoại
Bumin	Khu giảng dạy tổng hợp tầng LBC-B Phòng 102-1	09:00~17:00 Ngày lễ và cuối tuần (Thứ bảy, chủ nhật) không làm việc	051-200-8775~6
Seunghak	Tầng 3 hội quán sinh viên		051-200-071,6473

#### 8. Máy cấp giấy chứng nhận

- 1) Các loại giấy chứng nhận: tốt nghiệp, tốt nghiệp tạm thời, bằng điểm, đang học, bảo lưu, sinh viên, hoàn thành chương trình học, dự định hoàn thành chương trình học, dự định nhập học lại
- 2) Lệ phí: sinh viên đang học và bảo lưu - Giấy chứng nhận tiếng Hàn 500won/ Giấy chứng nhận tiếng Anh 1000KRW

Campus	Địa điểm lắp đặt máy	Thời gian sử dụng	Giấy chứng nhận	Cách thanh toán
Bumin	Sảnh Đại học khoa học xã hội	Trong năm, 24 giờ	Tiếng Hàn, tiếng Anh	Tiền mặt, điện thoại, thẻ tín dụng, thẻ ngân hàng, Mybee card
Seunghak	Sảnh tầng hầm 2 Đại học nhân văn			
	Tầng hầm 1 thư viện Hanlim			

#### 3) Trình tự cấp giấy chứng nhận

Click vào sinh viên đại học hoặc cao học ⇒ nhập ID, Password qua hệ thống thông tin sinh viên, Login ⇒ xác nhận ⇒ lựa chọn loại giấy chứng nhận ⇒ nhập số lượng cần in ⇒ xác nhận ⇒ thanh toán lệ phí in giấy ⇒ In ra.

※ Trong trường hợp không biết ID (mã số sinh viên) và Password (mã số bí mật) gọi điện hỏi tại phòng giao lưu quốc tế (200-6446~8).

**9. Máy rút tiền (ATM)**

Cơ sở	Vị trí	Tên ngân hàng
Bumin	Tầng 1 tòa giảng đường tổng hợp	Ngân hàng Busan, Nonghyup , Kookmin
	Tầng 1 ngầm tòa Quốc tế	Ngân hàng Nonghyup
	Tầng 1 toàn đại học Luật	Ngân hàng Busan, Keb Hana
Seunghak	Tầng 1 tòa đại học Nhân văn	Ngân hàng Busan, Nonghyup
	Tòa đại học Khoa học kĩ thuật số 1	Ngân hàng Busan, Nonghyup
	Thư viện Hanlim	Ngân hàng Busan, Kookmin
	Ký túc xá Hanlim	Ngân hàng Busan BS

**10. Bệnh viện và Trạm y tế quanh trường Đại học**

Cơ sở	Loại	Tên bệnh viện	Vị trí	Số điện thoại
Bumin	Bệnh viện đại học	BV Đại học Dong A	ĐH Dong A cơ sở Gudeok	051)240-2000
		BV Đại học Busan	Seogu, Gudeok-ro	051)240-7000
	Bệnh viện tổng hợp	BV Mary Knoll	Junggu, Daecheong-ro	051)465-8801
	Khoa nội	Viện nội khoa Sokmedi	Seodaeshin dong	051)243-7515
		Viện nội khoa Uridul	Junggu, Daecheong-ro	051)256-7533
	Khoa răng	Viện răng Beauty Plant	Đổi diện công chính, cơ sở Bumin	051)245-7928
	Khoa Da liễu	Viện da liễu Kims	Seodaeshin dong	051)246-9999
	Khoa phụ sản	Viện phụ sản Guse	Seogu, Chungmo dong	051)253-5555
	Khoa mắt	Viện mắt Bareun Sungmo	Chungmo dong	051)242-0075
	Trạm y tế	Trạm y tế Seo-gu	Seogu Buyongro	051-240-4851
Seung-hak	Bệnh viện tổng hợp chuẩn	Bệnh viện Ok O (Khoa chỉnh hình, khoa nội, khoa ngoại)	Ngã 5 Hadan (hướng Dangni-dong)	051)204-7775
	Khoa nội	Khoa nội Samsung	Ngã 5 Hadan (về hướng Eulsuk-do)	051)208-5566
		Khoa nội số 1 Chungang	Ngã 5 Hadan (hướng Dangni-dong)	051)207-7276
	Khoa răng	Khoa răng Goodwill cơ sở Hadan	Ngã 5 Hadan (toà Kyungbu) (hướng Eulsuk-do)	051)209-6000
	Khoa da	Khoa da Areumdaum	Ngã 5 Hadan	051)204-8114
	Khoa phụ sản	Viện phụ nữ Cham	Ngã 5 Hadan (về hướng Eulsuk-do)	051)291-0600
	Khoa mắt	Khoa mắt Samsung	Ngã 5 Hadan (hướng Dangni-dong)	051)204-2275~6
	Trạm y tế	Trạm y tế Sahagu	Gần ga điện ngầm Sinpyeong cửa số 1	051)220-5701

Chi dẫn đến trạm y tế

**•Trung tâm sức khỏe Seo-gu(cơ sở Bumin)**



- Địa chỉ : Cửa số 8, Ga Dongdaesin, Tàu điện ngầm line số 1, Số 30 đường Buyongro (Phường Buyong2-ga), Busan

- Số điện thoại : 051)240-4791

**•Trung tâm sức khỏe Saha-gu(cơ sở Seunghak)**



- Giờ làm việc : ngày trong tuần (thứ 2~thứ 6), từ 9h- 6h

- Địa chỉ : Số 127 đường Bunyong-ro, Hasin, Sahagu (phườngShinpyong), Busan

- Số điện thoại : 051)220-5701

- Số Fax : 051)220-5709

- Vị trí : từ cửa số 3 ga điện ngầm Shinpyeong, đi bộ 5 phút

## Thông tin xuất nhập cảnh ✨

### 01 Gia hạn thời gian lưu trú

1. Thời gian đăng ký : Có thể đăng ký trước ngày hết hạn lưu trú 4 tháng.
2. Phương pháp đăng ký : Đăng ký trực tiếp tại phòng quản lý xuất nhập cảnh (vào đặt lịch hẹn tại [www.hikorea.go.kr](http://www.hikorea.go.kr)) và đăng ký với người phụ trách du học sinh.
3. Giấy tờ cần chuẩn bị : Giấy đăng ký (viết tay), hộ chiếu, thẻ người nước ngoài, giấy chứng nhận đang học (bảng điểm), hồ sơ chứng minh nơi đang lưu trú, lệ phí 60,000KRW.  
\* Đối với những bạn vượt quá học kỳ và kết thúc chương trình học (chuẩn bị cho luận văn) cần thêm giấy xác nhận của giáo sư hướng dẫn v.v...

### 02 Khai báo thay đổi mục đăng ký (thay đổi nơi cư trú)

1. Thời gian đăng ký: trong vòng 14 ngày
2. Phương pháp đăng ký: đăng ký trực tiếp phòng quản lý xuất nhập cảnh (vào đặt lịch hẹn tại [www.hikorea.go.kr](http://www.hikorea.go.kr))
3. Giấy tờ cần chuẩn bị: giấy đăng ký (viết tay), hộ chiếu, thẻ người nước ngoài, hồ sơ chứng minh thay đổi mục đăng ký (hợp đồng thuê nhà v.v...)

### 03 Thay đổi tư cách lưu trú (đổi Visa): D-4 → D-2

1. Thời gian đăng ký: bắt buộc phải đăng ký trước ngày nhập học
2. Phương pháp đăng ký: Đăng ký trực tiếp tại phòng quản lý xuất nhập cảnh (vào đặt lịch hẹn tại [www.hikorea.go.kr](http://www.hikorea.go.kr)) và đăng ký với người phụ trách du học sinh
3. Giấy tờ cần chuẩn bị: Giấy đăng ký (viết tay), ảnh thẻ, hộ chiếu, thẻ người nước ngoài, giấy báo nhập học, hồ sơ chứng minh đã đóng học phí (hóa đơn), chứng minh tài chính, hồ sơ chứng minh nơi đang cư trú, lệ phí 130.000KRW (phí cấp lại thẻ người nước ngoài 30.000KRW + thay đổi tư cách 100.000KRW)

### 04 Thay đổi tư cách lưu trú (đổi Visa) : D-2 → D-10

1. Thời gian đăng ký: đăng ký trước ngày hết thời hạn lưu trú
2. Phương pháp đăng ký: đăng ký trực tiếp tại phòng quản lý xuất nhập cảnh (vào đặt lịch hẹn tại [www.hikorea.go.kr](http://www.hikorea.go.kr))
3. Giấy tờ cần chuẩn bị: giấy đăng ký (viết tay), ảnh thẻ, hộ chiếu, thẻ người nước ngoài, bảng tốt nghiệp, bảng điểm, hồ sơ chứng minh nơi đang lưu trú, kế hoạch xin việc, lệ phí 100.000 KRW

### 05 Cấp phép làm việc theo chế độ thời gian

1. Đối tượng: du học sinh có Visa D-2 và D-4  
- Đối với những sinh viên có Visa D-4 thì sau 6 tháng kể từ ngày nhập cảnh nếu có tỉ lệ đến lớp và thái độ học tập tốt sẽ có thể được thầy cô giáo chủ nhiệm và thầy cô phụ trách ở văn phòng cho phép đi làm.
2. Lĩnh vực cho phép (loại công việc): thông dịch, phiên dịch, bán ở quán ăn-siêu thị miễn thuế...

### 3. Thời gian cho phép

- Sinh viên đại học (học tiếng) : 1 tuần được làm trong vòng 25 tiếng  
\* Ngoại trừ đại học có chế độ quản lý và thu hút du học sinh: 1 tuần được làm trong vòng 20 tiếng
  - Cao học (thạc sĩ và tiến sĩ): 1 tuần được làm trong vòng 30 tiếng
  - Sau khi hoàn thành chương trình học thạc sĩ, tiến sĩ và chuẩn bị làm luận văn: 1 tuần được làm trong 30 tiếng  
\* Trong học kỳ, cuối tuần (bao gồm thứ Bảy) và trong kỳ nghỉ không giới hạn (ngoài thời gian cho phép làm trong tuần)
4. Phương pháp đăng ký: đăng ký trực tiếp phòng quản lý xuất nhập cảnh (vào đặt lịch hẹn tại [www.hikorea.go.kr](http://www.hikorea.go.kr))
  5. Giấy tờ cần chuẩn bị: thẻ người nước ngoài, giấy xác nhận xin làm việc theo chế độ thời gian  
\* Đối với những sinh viên học kỳ trước tỷ lệ lên lớp đạt dưới 70%, điểm bình quân dưới C+ (2.5) có thể sẽ không được cho phép đi làm.

### 06 Đăng ký thành viên qua mạng điện tử ‘Hi-Korea’

1. Địa chỉ website : [www.hikorea.go.kr](http://www.hikorea.go.kr)
2. Gia nhập hội viên: nhập họ tên và số thẻ người nước ngoài, tạo ID và mã số bí mật
3. Trình tự đăng ký: Sau khi đăng ký gia nhập hội viên, đăng ký nguyện vọng phù hợp → thanh toán lệ phí (thẻ tín dụng, chuyển tiền v.v...)
4. Nghiệp vụ có thể đăng ký: gia hạn thời gian lưu trú, xin phép làm việc theo chế độ thời gian, thay đổi mục đăng ký nơi cư trú.  
\* Trước khi đến phòng quản lý xuất nhập cảnh cần đặt lịch hẹn trước và bắt buộc phải đến đúng lịch hẹn đã đăng ký (không thể đặt lịch hẹn ngay trong ngày)



Cách đăng ký gia nhập 'Hi-Korea'



1 Đăng ký thành viên



2 Đồng ý các điều khoản sử dụng



3 Nhập thông tin (tên, người nước ngoài)



4 Đăng ký lịch hẹn

Thông tin đời sống Busan ❖

01 Thông tin cơ bản về Busan

<b>Dân số</b>	3,586,079 người (bao gồm người ngoại quốc là 35,116 người)/ Theo thống kê vào ngày 31/12/2012
<b>Quy mô</b>	Tổng diện tích 765.9 km <sup>2</sup>
<b>Khí hậu</b>	+22°C~+30°C (Tháng 8), -7°C~+1°C (Tháng 1)
<b>Thời gian</b>	GMT+9 (Theo giờ tiêu chuẩn KST Hàn Quốc và JST Nhật Bản)
<b>Nguồn điện</b>	220V, 60Hz cho toàn khu vực (Cùng loại với Pháp, Đức, Úc, Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ)
<b>Mã số điện thoại quốc gia</b>	+82
<b>Mã số điện thoại khu vực</b>	051 (Khi gọi từ nước ngoài bỏ số 0, chỉ cần nhấn 51)

02 Giao thông của Busan

1. Sân bay Gimhae : Kết nối với hơn 10 quốc gia, 26 thành phố trên thế giới với 628 chuyến bay mỗi tuần

- Web sân bay Gimhae | <http://www.airport.co.kr/mbs/gimhae>
- Web sân bay Incheon | <http://www.airport.kr/>
- Web sân bay Gimpo | <http://www.airport.co.kr/mbs/gimpo>

2. Tàu thủy

Trang web : <http://www.busanpa.com/bpt/Main.do>

Phân loại	Bến tàu	Tuyến	Liên hệ
Khách đi quốc tế	Bến tàu khách quốc tế	Shimonoseki, Osaka, Fukuoka, Tsushima, Nhật Bản	ARS 1688-7677 051)400-1200,1201
Khách đi quốc nội	Bến tàu khách ven biển (Busan Coastal Ferry Terminal)	Đảo Jeju	051) 469-5994

3. Tàu lửa

Trang web (đặt vé trực tuyến) <http://www.letskorail.com/>

Điện thoại tư vấn : 1544-7788

Loại tàu	Tuyến	Thời gian	Giá vé
KTX	Busan ↔ Seoul	Khoảng 2h 30 phút	53,300 ~ 57,300 KRW
Saemaul	Busan ↔ Seoul	Khoảng 4h 40 phút	40,700 ~ 42,600 KRW

\* Giá vé có thể khác tùy theo khu vực đi, các ngày trong tuần và thời gian đi

4. Xe bus ngoại tỉnh

1) Bến xe bus ngoại tỉnh

- Bến xe tổng hợp Busan (Bến xe bus Nopo dong) [http://www.bxt.co.kr/express\\_bus.html](http://www.bxt.co.kr/express_bus.html)
- Bến xe Tây Busan (Bến xe Sasang) <http://www.busantr.com/>

2) Giá vé

Bến xe	Nơi đến	Thời gian	Giá vé
Bến xe Tây Busan	Nam Seoul	4~5 giờ	24,600 KRW (Bus hạng sang)
Bến xe tổng hợp Busan	Đông Seoul	4~5 giờ	34,300 KRW (Bus hạng sang)
Bến xe Tây Busan	Seoul Kyungbu	4~5 giờ	34,000 KRW (Bus hạng sang)

\* Giá vé có thể khác tùy theo khu vực đi, các ngày trong tuần và thời gian đi

3) Đặt vé trực tuyến

- Bus cao tốc : <http://www.kobus.co.kr/web/main/index.jsp>
- Bus ngoại tỉnh : <https://www.bustago.or.kr/newweb/kr/index.do>

5. Giao thông công cộng Busan

Có thể giảm giá khi chuyển tuyến nếu sử dụng thẻ giao thông (không áp dụng đối với tiền mặt)

**Giảm giá khi chuyển tuyến là gì?**

Khi đi chuyển bằng phương tiện giao thông mà chúng ta chuyển tuyến thì được áp dụng giảm giá tiền cho lần chuyển tuyến đó. Tuy nhiên không áp dụng việc giảm giá này cho việc chuyển tuyến giông tuyến ban đầu hoặc chuyển tuyến sau khi xuống xe quá 30 phút.

<Ví dụ về giảm giá khi chuyển tuyến>

Bus thông thường (1,200KRW) → Bus thông thường(1,200KRW) :  
 KRW 1,200 + KRW 0 = KRW 1,200 (giảm được 1,200 KRW)  
 Bus thông thường (1,200 KRW) → Tàu điện ngầm (1,200 KRW) :  
 KRW 1,200 + KRW 0 = KRW 1,200 (giảm được 1,200 KRW)  
 Tàu điện ngầm (1,200 KRW) → Bus tới Dong-A (1,010 KRW) :  
 KRW 1,200 + KRW 0 = KRW 1,200 (giảm được 1,010 KRW)

1) Xe Buýt

- Giá vé sử dụng: Chỉ cần trả tiền 1 lần cho toàn tuyến

Phân loại	Thẻ giao thông	Tiền mặt
Bus thông thường	1,200 KRW	1,300 KRW
Bus nhanh	1,700 KRW	1,800 KRW

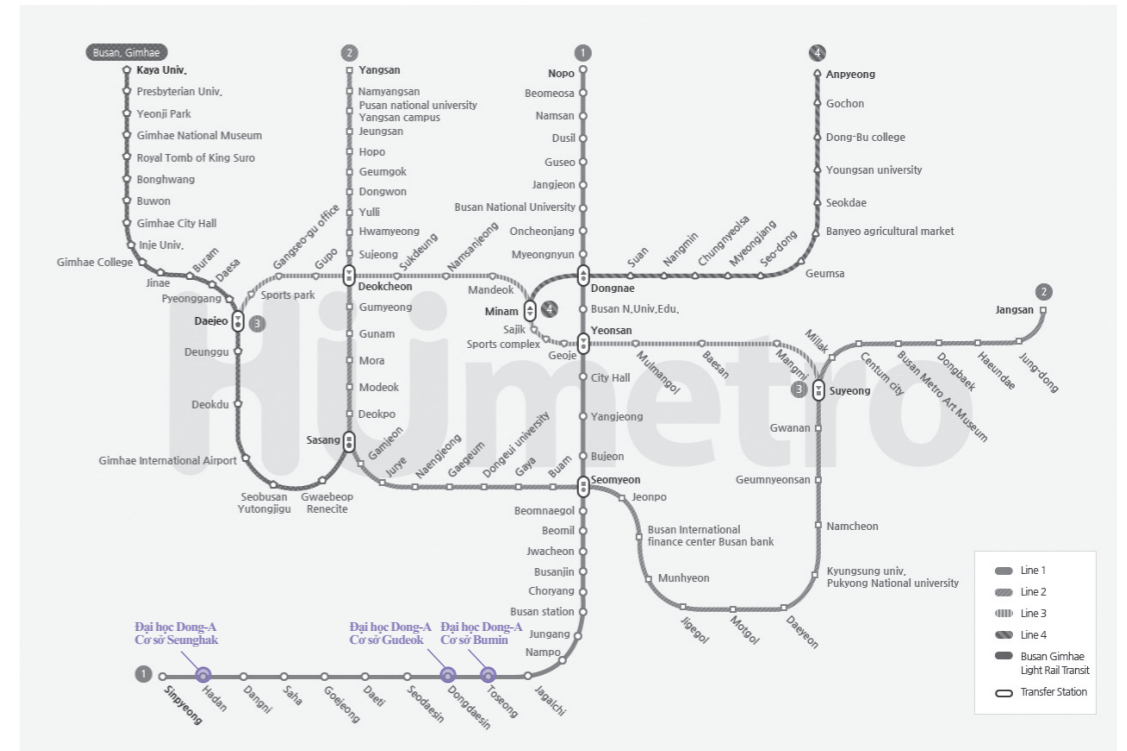
- Xem tuyến xe : <http://bus.busan.go.kr/>

2) Tàu điện ngầm

- Giá vé sử dụng

Phân loại	Thẻ giao thông	Vé lên tàu bằng giấy (mua tại ga)
Đi 1 chặng	1,200 KRW	1,300 KRW
Đi 2 chặng	1,400 KRW	1,500 KRW

- Các tuyến tàu điện ngầm:



3) Taxi

- Taxi thông thường : 2,800KRW/2km (Sân bay → Bumin campus: khoảng 15,000KRW)
- Call taxi : Không tính thêm phí, giá giống taxi thường, số điện thoại (051)600-1000



### 03 Thông tin du lịch Busan

Trang web văn hóa du lịch thành phố Busan : <http://tour.busan.go.kr/>

#### Các lễ hội tiêu biểu của Busan:

Tên lễ hội	Nội dung	Thời điểm	Địa điểm	Trang web
Lễ hội cảng biển Busan	Tổ chức các tour tham quan cảng biển, trải nghiệm trên tàu, điều hành để giới thiệu về cảng Busan	Cuối tháng 5	Yeongdo	<a href="http://www.pusanportfestival.kr">www.pusanportfestival.kr</a>
Liên hoan phim quốc tế Busan	Là một trong những liên hoan phim lớn nhất châu Á, quy tụ nhiều bộ phim đến từ khắp nơi trên thế giới cũng như các ngôi sao hàng đầu Châu Á	Đầu tháng 10	Haeundae, Nampodong	<a href="http://www.biff.kr">www.biff.kr</a>
Lễ hội biển Busan	Tổ chức nhiều sự kiện đa dạng tại 6 bãi tắm của thành phố	Đầu tháng 8	Các bãi biển	<a href="http://www.seafestival.co.kr">www.seafestival.co.kr</a>
Lễ hội pháo hoa Busan	Pháo hoa được bắn trên nền bối cảnh từ cầu Gwangan	Cuối tháng 10	Bãi tắm Gwanganli	<a href="http://www.bff.or.kr">www.bff.or.kr</a>
Lễ hội Rock quốc tế Busan	Lễ hội Rock quốc tế Busan tổ chức vô số các ban nhạc rock trong nước và quốc tế đến biểu diễn	Đầu tháng 8	Công viên sinh thái Samnak	<a href="http://www.rockfestival.co.kr">www.rockfestival.co.kr</a>
Triển lãm ô tô quốc tế Busan	Triển lãm giới thiệu các thương hiệu xe hơi nổi tiếng toàn cầu	Tháng 6	BEXCO	<a href="http://www.bimos.co.kr">www.bimos.co.kr</a>
Busan Biennale	Triển lãm Mỹ thuật quốc tế	Tháng 9- tháng 10	Busan	<a href="http://www.busanbiennale.org">www.busanbiennale.org</a>
Lễ hội đón mặt trời	Được tổ chức tại nhiều nơi bao gồm công viên Yongdusan và bãi biển Haeundae với các chương trình như gõ chuông chào mừng năm mới, lễ hội mặt trời mọc, lễ hội lúc mặt trời lặn, biểu diễn văn nghệ,...	31.12 - 1.1	Công viên Yongdusan, bãi tắm Haeundae	<a href="http://www.festival.busan.kr">www.festival.busan.kr</a>
Lễ hội chợ cá Jagalchi	Đây là lễ hội về thủy hải sản lớn nhất tại Hàn Quốc	Tháng 10	Jagalchi	<a href="http://www.ijagalchi.kr">www.ijagalchi.kr</a>
Lễ hội văn hóa cây thông Noel	Tổ chức các sự kiện, các buổi công diễn với ánh đèn được trang trí lộng lẫy đầy màu sắc trải dài trên Kwangbok-ro	Tháng 12 - tháng 1	Kwang-BokRo, Nampodong	<a href="http://bctf.kr/">http://bctf.kr/</a>

### 04 Thông tin giá cả Busan

Phân loại	Nội dung
Tiền ăn	Khoảng 300,000 KRW/tháng - Nhà ăn trong trường Dong-A : Từ 2,000~2,500KRW (1 bữa) - Quán ăn xung quanh trường : Từ 5,000~10,000KRW (1 bữa) khoảng 300,000 ~ 500,000 (Tiền đặt cọc từ 3,000,000 ~ 5,000,000 KRW)
Tiền nhà	Khoảng 300,000 ~ 500,000 (Tiền đặt cọc từ 3,000,000 ~ 5,000,000 KRW)
Tiền phí điện thoại	Khoảng trên dưới 50,000KRW mỗi tháng cho thuê bao trả sau (có thể chênh lệch tùy theo gói cước)

Tham khảo) Web về thông tin giá cả Busan <http://mulga.busan.go.kr>



# PHỤ LỤC

HƯỚNG DẪN SINH HOẠT CHO DU HỌC SINH NƯỚC NGOÀI NĂM HỌC 2017

Phụ lục 1)

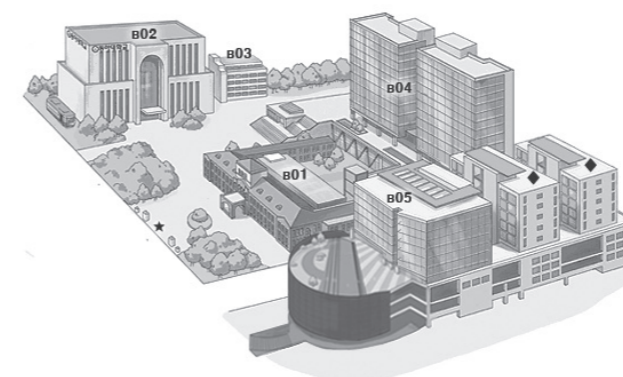
**Số điện thoại các văn phòng khoa**

Cơ sở Seunghak			
Khoa triết	200-7006	Khoa xây dựng	200-7620
Khoa văn hóa đạo đức	200-7138	Khoa kế hoạch đô thị	200-7662
Khoa sử	200-7060	Khoa thiết kế cảnh quan môi trường	200-7571
Khoa khảo cổ và lịch sử nghệ thuật	200-7151	Khoa khoa học môi trường	200-7674
Khoa ngữ văn	200-7019	Khoa khoa học năng lượng và tài nguyên	200-7763
Khoa viết sáng tạo	200-7169	Khoa điện tử	200-7701
Khoa ngữ văn Anh	200-7036	Khoa khoa học máy tính	200-7776
Khoa ngữ văn Đức	200-7091	Khoa điện	200-7732
Khoa ngữ văn Pháp	200-7117	Khoa kiến trúc xây dựng	200-7606
Khoa ngữ văn Trung	200-7128	Khoa cơ khí	200-7659
Khoa giáo dục	200-7074	Khoa kỹ thuật quản lý hệ thống công nghiệp	200-7686
Khoa gia đình trẻ em	200-7306	Khoa kỹ thuật hóa học	200-7717
Khoa toán	200-7206	Khoa khoa học kỹ thuật và vật liệu	200-7747
Khoa vật liệu	200-7221	Khoa kỹ thuật Polyme và vật liệu hữu cơ	200-7539
Khoa hóa	200-7240	Khoa kiến trúc (5 năm)	200-7618
Khoa sinh học	200-7260	Khoa thiết kế công nghiệp	200-7980
Khoa dinh dưỡng thực phẩm	200-7317	Khoa thiết kế thời trang	200-7328
Khoa kỹ thuật di truyền	200-7590	Khoa thể dục	200-7806
Công nghệ sinh học phân tử	200-7598	Khoa huấn luyện thể thao	200-7829
Khoa sinh học ứng dụng	200-7595	Thoa thể dục đời sống	200-7839
Khoa công nghệ sinh học	200-7596	Khoa cảnh hộ cảnh sát	200-7853
Công nghệ vi sinh thuốc	200-7561	Khoa Taekwondo	200-7856
Cơ sở Gudeok			
Khoa mỹ thuật	200-1720	Khoa âm nhạc ứng dụng	240-2683
Khoa thủ công mỹ nghệ	200-1730	Khoa y học dự bị	240-2944
Khoa thiết kế sợi nhựa tổng hợp	240-2849	Khoa y	240-2796
Khoa âm nhạc	240-2827	Khoa điều dưỡng	240-2947
Cơ sở Bumin			
Khoa chính trị ngoại giao	200-8605	Khoa thương mại quốc tế	200-7436
Khoa hành chính	200-8628	Khoa hệ thống quản lý thông tin	200-7463
Khoa xã hội học	200-8638	Khoa Seokdang Honors	200-8590
Khoa phúc lợi xã hội	200-8666	Khoa quốc tế học	200-8705
Khoa báo chí truyền thông	200-8645	Ngành quốc tế học	200-8740
Khoa kinh tế	200-8615	Ngành Trung Quốc học	200-8727
Khoa tín dụng	200-8661	Ngành Nhật Bản học	200-8707
Khoa quản trị kinh doanh	200-7406	Ngành liên kết GLP	200-8687
Khoa du lịch quốc tế	200-7426		

Phụ lục 2)

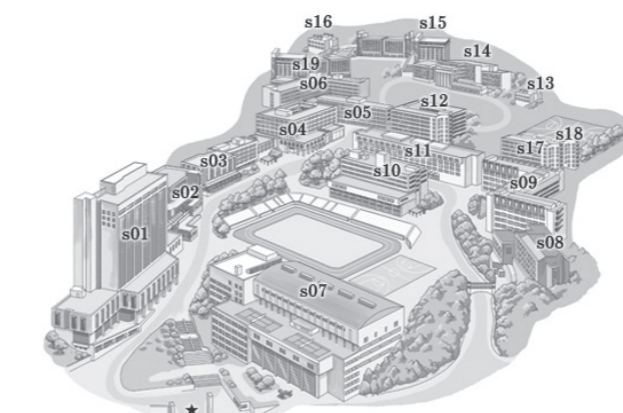
**Bản đồ hướng dẫn campus**

**Cơ sở Bumin**



- B01. Bảo tàng
- B02. Đại học Luật
- B03. Viện giáo dục suốt đời
- B04. Tòa giảng đường tổng hợp
- B05. Tòa quốc tế
- ★ Công chính
- ◆ Kí túc xá Hanlim cơ sở Bumin

**Cơ sở Seunghak**



- S01. Tòa nhà chính và Đại học xã hội nhân văn
- S02. Trung tâm sinh viên
- S03. Tòa số 1 Đại học Khoa học kỹ thuật
- S04. Tòa số 2 Đại học Khoa học kỹ thuật
- S05. Tòa số 3 Đại học Khoa học kỹ thuật
- S06. Viện hợp tác với doanh nghiệp
- S07. Đại học Nghệ thuật- Thể dục
- S08. Tòa nhà cho giáo sư
- S09. Đại học Tài nguyên con người và sức khỏe
- S10. Thư viện Hanlim
- S11. Đại học Tự nhiên
- S12. Tòa số 4 Đại học Khoa học kỹ thuật
- S13. Viện khởi nghiệp kinh doanh
- S14. Viện nghiên cứu liên kết với doanh nghiệp
- S15. Kí túc xá Hanlim
- S16. Khu huấn luyện quân sự học
- S17. (Tạm gọi) Đại học Nghệ thuật
- S18. (Tạm gọi) Tòa luyện tập Đại học Nghệ thuật
- S19. Kí túc xá Hanlim cơ sở Seunghak (Cửa hàng tạp hóa)
- ★ Công chính



